**1. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Bộ Công Thương trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung thay đổi;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét và gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép nơi có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và đánh giá hồ sơ để có văn bản gửi Bộ Công Thương đề xuất cấp phép (Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP), trường hợp đề xuất không cấp phép phải có văn bản trả lời Bộ Công Thương và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ Công Thương căn cứ vào ý kiến đề xuất của Cơ quan cấp Giấy phép và nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận, trường hợp từ chối phải có văn bản nêu rõ lý do (Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP);

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

- Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;

+ Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

- Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế sau khi nhận vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, có nhu cầu cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ đang hoạt động.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

- Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

- Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

- Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH17 ngày 12/6/2017;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu số08

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng … năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ CHO PHÉP**

**CƠ SỞ BÁN LẺ ĐƯỢC TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: Bộ Công Thương

**1. Thông tin về doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp: ....

Mã số doanh nghiệp: ....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:…………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do.... cấp lần đầu ngày... tháng… năm….; cấp đăng ký thay đổi lần thứ...ngày....tháng....năm....[[1]](#footnote-1)

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): ...................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[2]](#footnote-2):

5. Mục tiêu của dự án đầu tư:……………………………………………………

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[[3]](#footnote-3):

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp:…………… Nơi đăng ký thành lập: ……………….…...

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên:................................... Quốc tịch: ......................................................

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: ........................................................................................

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số … do... cấp ngày … tháng … năm … [[4]](#footnote-4) (nếu có).

7. Các cơ sở bán lẻ đã được lập trên phạm vi toàn quốc[[5]](#footnote-5):.......................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ để (các) cơ sở bán lẻ sau được tiếp tục hoạt động**[[6]](#footnote-6):

**1. Cơ sở bán lẻ thứ nhất:**

a) Tên cơ sở bán lẻ:..................................................................................................

b) Địa chỉ cơ sở bán lẻ: ...........................................................................................

c) Loại hình cơ sở bán lẻ: ........................................................................................

d) Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): … m2

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): …m2, trong đó:

+ Diện tích bán hàng: … m2

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): …m2

đ) Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:...................................................................

e) Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:..................................................................

g) Các đề xuất khác (nếu có):..................................................................................

2. Cơ sở bán lẻ số: ..................................................................................................

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:

1. …;
2. …;
3. ….

**Mẫu số 09**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**  **SỞ CÔNG THƯƠNG**  Số: ……. Vv: ……. | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng ... năm ... |

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;

- Bộ…[[7]](#footnote-7)

  Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Sau khi kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh); đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 22 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ); …

Sở Công Thương … xét thấy về nguyên tắc, Công ty ... đáp ứng điều kiện để được cấp/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Do vậy, Sở Công Thương xin gửi hồ sơ của Công ty ... và đề nghị Bộ Công Thương và Bộ …[[8]](#footnote-8) có ý kiến về việc:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... theo đề nghị của Công ty....(có hồ kèm theo).

*hoặc*

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....do....cấp ngày....tháng....năm....theo đề nghị của Công ty … (có hồ sơ kèm theo)

và

Nội dung khác (nếu có)./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: VT, ...

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**[[9]](#footnote-9)  Số:  V/v: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng... năm ... |

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố...

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Bộ … có ý kiến về việc[[10]](#footnote-10) … như sau:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng … năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số... do... cấp ngày ... tháng ... năm ....

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ....với lý do ........................................

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do... cấp ngày ... tháng... năm … với lý do: ………..........

3. Ý kiến khác:..............................................................................................

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: ….

**2. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ gửi trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực.

- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ*.*

- Trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

**-**Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hạn hiệu lực.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ gia hạn.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sắp hết hạn hiệu lực.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH17 ngày 12/6/2017;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 07**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...*, ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ …**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố………

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ............................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: ........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: .........................................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: ..........................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ............................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[11]](#footnote-11)... ngày…tháng…năm…

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[12]](#footnote-12)... ngày…tháng…năm…

**II. Đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:**

1. Thời hạn gia hạn:...........................................................................................................

2. Lý do gia hạn:.................................................................................................................

3. Các đề xuất khác (nếu có):..............................................................................................

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

**3. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

 - Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**05ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH17 ngày 12/6/2017;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 06**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*...., ngày....... tháng....... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ …**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố………

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ............................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ..........................................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: ...........................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ............................................................

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[13]](#footnote-13)... ngày…tháng…năm…

**II. Đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số… do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:**

Lý do cấp lại: ……

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

**4. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ 02 bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ*.*

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

+ Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định này số 09/2018/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thành lập Hội đồng ENT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng ENT.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất.

-  Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

+  Trường hợp văn bản kết luật đề xuất không cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

+) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini

+) Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;

+) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

+) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

+) Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế sau:

+ Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động.

+ Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý.

+ Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH17 ngày 12/6/2017;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 05**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....... tháng....... năm.......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ …**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố………..

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: ..............................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ...............................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: ................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[14]](#footnote-14)... ngày…tháng…năm…

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[15]](#footnote-15)... ngày…tháng…năm …

**II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận[[16]](#footnote-16):.................................................

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):……………………………………………………………….……

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh: ................................................

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):......................................................................................................................

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: ....

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* | |

**Mẫu số 09**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**  **SỞ CÔNG THƯƠNG**  Số: ……. Vv: ……. | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng ... năm ... |

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;

- Bộ…[[17]](#footnote-17)

  Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Sau khi kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh); đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 22 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ); …

Sở Công Thương … xét thấy về nguyên tắc, Công ty ... đáp ứng điều kiện để được cấp/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Do vậy, Sở Công Thương xin gửi hồ sơ của Công ty ... và đề nghị Bộ Công Thương và Bộ …[[18]](#footnote-18) có ý kiến về việc:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... theo đề nghị của Công ty....(có hồ kèm theo).

*hoặc*

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....do....cấp ngày....tháng....năm....theo đề nghị của Công ty … (có hồ sơ kèm theo)

và

Nội dung khác (nếu có)./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: VT, ...

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**[[19]](#footnote-19)  Số:  V/v: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng... năm ... |

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố...

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Bộ … có ý kiến về việc[[20]](#footnote-20) … như sau:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng … năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số... do... cấp ngày ... tháng ... năm ....

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ....với lý do ........................................

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do... cấp ngày ... tháng... năm … với lý do: ………..........

3. Ý kiến khác:..............................................................................................

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: ….

**5. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ 02 bộ, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định:

+ Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng:

+) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại

+) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 05**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....... tháng....... năm.......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ …**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố………..

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: ..............................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ...............................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: ................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[21]](#footnote-21)... ngày…tháng…năm…

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[22]](#footnote-22)... ngày…tháng…năm …

**II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận[[23]](#footnote-23):.................................................

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):……………………………………………………………….……

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh: ................................................

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):......................................................................................................................

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: ....

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* | |

**Mẫu số 09**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**  **SỞ CÔNG THƯƠNG**  Số: ……. Vv: ……. | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng ... năm ... |

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;

- Bộ…[[24]](#footnote-24)

  Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Sau khi kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh); đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 22 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ); …

Sở Công Thương … xét thấy về nguyên tắc, Công ty ... đáp ứng điều kiện để được cấp/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Do vậy, Sở Công Thương xin gửi hồ sơ của Công ty ... và đề nghị Bộ Công Thương và Bộ …[[25]](#footnote-25) có ý kiến về việc:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... theo đề nghị của Công ty....(có hồ kèm theo).

*hoặc*

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....do....cấp ngày....tháng....năm....theo đề nghị của Công ty … (có hồ sơ kèm theo)

và

Nội dung khác (nếu có)./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: VT, ...

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**[[26]](#footnote-26)  Số:  V/v: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng... năm ... |

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố...

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Bộ … có ý kiến về việc[[27]](#footnote-27) … như sau:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng … năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số... do... cấp ngày ... tháng ... năm ....

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ....với lý do ........................................

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do... cấp ngày ... tháng... năm … với lý do: ………..........

3. Ý kiến khác:..............................................................................................

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: ….

**6. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ 01 bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 05**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....... tháng....... năm.......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ …**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố………..

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: ..............................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ...............................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: ................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[28]](#footnote-28)... ngày…tháng…năm…

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[29]](#footnote-29)... ngày…tháng…năm …

**II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận[[30]](#footnote-30):.................................................

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):……………………………………………………………….……

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh: ................................................

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):......................................................................................................................

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: ....

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* | |

**7. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Hồ sơ 01 bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh.

- Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ.

- Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương .

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

- Điều kiện riêng: Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 05**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....... tháng....... năm.......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ …**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố………..

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: ..............................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ...............................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: ................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: .................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[31]](#footnote-31)... ngày…tháng…năm…

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[32]](#footnote-32)... ngày…tháng…năm …

**II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận[[33]](#footnote-33):.................................................

b) Thông tin của doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):……………………………………………………………….……

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh: ................................................

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh của cơ sở bán lẻ

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):......................................................................................................................

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: ....

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* | |

**8. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**-** Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ*.*

*-*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

+ Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thành lập Hội đồng ENT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng ENT.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

+ Trường hợp văn bản kết luật đề xuất không cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

**f) Phí, Lệ phí**: không có

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

- Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế sau:

+ Quy mô của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng khi cơ sở bán lẻ hoạt động.

+ Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý.

+ Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý.

+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý.

+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:

(i) Tạo việc làm cho lao động trong nước;

(ii) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý

(iii) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý

(iv) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 04**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

......, ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ…**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố…………

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..........................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: .......................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ........................................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: .........................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...........................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[34]](#footnote-34)... ngày…tháng…năm…

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc[[35]](#footnote-35): ...........................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....với nội dung như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ:............................................................................................................

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: ......................................................................................................

3. Loại hình cơ sở bán lẻ: ..................................................................................................

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): … m2

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): …m2, trong đó:

+ Diện tích bán hàng: … m2

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): …m2

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:.............................................................................

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:............................................................................

7. Các đề xuất khác (nếu có):............................................................................................

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 09**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**  **SỞ CÔNG THƯƠNG**  Số: ……. Vv: ……. | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng ... năm ... |

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;

- Bộ…[[36]](#footnote-36)

  Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Sau khi kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh); đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 22 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ); …

Sở Công Thương … xét thấy về nguyên tắc, Công ty ... đáp ứng điều kiện để được cấp/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Do vậy, Sở Công Thương xin gửi hồ sơ của Công ty ... và đề nghị Bộ Công Thương và Bộ …[[37]](#footnote-37) có ý kiến về việc:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... theo đề nghị của Công ty....(có hồ kèm theo).

*hoặc*

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....do....cấp ngày....tháng....năm....theo đề nghị của Công ty … (có hồ sơ kèm theo)

và

Nội dung khác (nếu có)./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: VT, ...

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**[[38]](#footnote-38)  Số:  V/v: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng... năm ... |

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố...

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Bộ … có ý kiến về việc[[39]](#footnote-39) … như sau:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng … năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số... do... cấp ngày ... tháng ... năm ....

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ....với lý do ........................................

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do... cấp ngày ... tháng... năm … với lý do: ………..........

3. Ý kiến khác:..............................................................................................

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: ….

**9. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**-**Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

**-**Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

**-**Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

**-**Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**-** Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

**-**Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

**-**Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương .

**f) Phí, Lệ phí**: không có

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

- Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 04**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

......, ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ…**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố…………

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..........................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: .......................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ........................................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: .........................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...........................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[40]](#footnote-40)... ngày…tháng…năm…

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc[[41]](#footnote-41): ...........................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....với nội dung như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ:............................................................................................................

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: ......................................................................................................

3. Loại hình cơ sở bán lẻ: ..................................................................................................

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): … m2

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): …m2, trong đó:

+ Diện tích bán hàng: … m2

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): …m2

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:.............................................................................

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:............................................................................

7. Các đề xuất khác (nếu có):............................................................................................

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 09**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**  **SỞ CÔNG THƯƠNG**  Số: ……. Vv: ……. | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng ... năm ... |

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;

- Bộ…[[42]](#footnote-42)

  Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Sau khi kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh); đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 22 Nghị định trên (áp dụng đối với trường hợp cấp/ điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ); …

Sở Công Thương … xét thấy về nguyên tắc, Công ty ... đáp ứng điều kiện để được cấp/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Do vậy, Sở Công Thương xin gửi hồ sơ của Công ty ... và đề nghị Bộ Công Thương và Bộ …[[43]](#footnote-43) có ý kiến về việc:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... theo đề nghị của Công ty....(có hồ kèm theo).

*hoặc*

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....do....cấp ngày....tháng....năm....theo đề nghị của Công ty … (có hồ sơ kèm theo)

và

Nội dung khác (nếu có)./.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: VT, ...

**Mẫu số 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**[[44]](#footnote-44)  Số:  V/v: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày... tháng... năm ... |

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố...

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Bộ … có ý kiến về việc[[45]](#footnote-45) … như sau:

1. Cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng … năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số... do... cấp ngày ... tháng ... năm ....

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ....với lý do ........................................

2. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của Công ty... như sau:

Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số … do... cấp ngày ... tháng... năm … với lý do: ………..........

3. Ý kiến khác:..............................................................................................

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: ….

**10. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP**.

**a) Trình tự thực hiện:**

**-**Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

**-**Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

**-**Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

**-**Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

**-** Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

**-**Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

**-**Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

-  Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

-Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).

- Bản giải trình có nội dung:

+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có)

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**20ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xin Giấy phép kinh doanh đồng thời giấy phép lập cơ sở bán lẻ

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: Không có.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;

- Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 9 và Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Điều kiện riêng: Địa điểm lập cơ sở bán lẻ thứ nhất cùng tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương với trụ sở chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày ... tháng ... năm ... |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

 Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố …………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng … năm *…*; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[[46]](#footnote-46) .... ngày ...tháng ...năm.................

2. Vốn điều lệ (ghibằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) *(*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): .......................................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[47]](#footnote-47):……………………………………………………….

5. Mục tiêu của dự án đầu tư[[48]](#footnote-48):

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[[49]](#footnote-49):

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: …………………….. Nơi đăng ký thành lập: ……………….

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ................................... Quốc tịch: ..........................................................

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .............................................................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:**

1.Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

- ……………………………………………………………………………………..

2. Các đề xuất khác (nếu có):

- ………………………………………………………………………………………

**III. Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 04**

##### TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

##### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

......, ngày....tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ…**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố…………

**I. Thông tin về doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: ..........................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: .......................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ........................................................................................................

Điện thoại:…………….Fax:…………Email: ………………Website: .........................

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...........................................................

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[50]](#footnote-50)... ngày…tháng…năm…

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc[[51]](#footnote-51): ...........................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số....với nội dung như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ:............................................................................................................

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: ......................................................................................................

3. Loại hình cơ sở bán lẻ: ..................................................................................................

4. Quy mô cơ sở bán lẻ, gồm:

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có): … m2

- Tổng diện tích sàn xây dựng (nếu có): …m2, trong đó:

+ Diện tích bán hàng: … m2

+ Diện tích kinh doanh dịch vụ (nếu có): …m2

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ:.............................................................................

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:............................................................................

7. Các đề xuất khác (nếu có):............................................................................................

**III. Doanh nghiệp cam kết**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

**11. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh lập 02 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đườngbưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

+ Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018:

+ Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

**-**Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Phí, Lệ phí**: không có

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh điều chỉnh

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Điều kiện chung:

Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng với các nội dung đề nghị điều chỉnh.

- Điều kiện riêng:

Khi có một trong những sự thay đổi về giấy phép kinh doanh như sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật;

- Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập;

- Hàng hóa phân phối;

- Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

- Các nội dung khác

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

|  |
| --- |
| **Mẫu số 02** |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày ... tháng ... năm … | | |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KINH DOANH**

 Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố…………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng … năm *…*; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[[52]](#footnote-52) ... ngày ... tháng ... năm ...

2. Vốn điều lệ (ghibằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) *(*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): ...............................................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[53]](#footnote-53):……………………………………………………….

5. Mục tiêu của dự án đầu tư[[54]](#footnote-54):

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[55]](#footnote-55)... ngày…tháng…năm….

**II. Đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa** **số… như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin doanh nghiệp

a) Thông tin của doanh nghiệp đã được ghi nhận[[56]](#footnote-56): ………………………………

b) Thông tin của doanh đề nghị điều chỉnh (ghi thông tin điều chỉnh và lý do điều chỉnh):…………………………………………………………………………….....

c) Thông tin của doanh nghiệp sau khi điều chỉnh: ………………………..……..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp:…………………………………………….....

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh (ghi nội dung điều chỉnh và lý do điều chỉnh):…………………………………………………………………………..……

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:…………………………………….......

**III. Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**12. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh trong trường hợp cấp lại quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đườngbưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đến.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương cấp lại Giấy phép kinh doanh và sao gửi 01 bản Giấy phép kinh doanh cho Sở Công Thương nơi chuyển đi để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cấp lại Giấy phép kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó cho Sở Công Thương nơi chuyển đi.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

-  Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**g) Phí, Lệ phí**: không có

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Điều kiện chung: Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng như đối với thủ tục cấp mới

- Điều kiện riêng:

+ Giấy phép kinh doanh được cấp lại trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác.

+ Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

|  |
| --- |
| **Mẫu số 03** |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày.... tháng... năm... | | |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH**

Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố…………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax: ……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

2. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số… do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm…; cấp đăng ký thay đổi lần[[57]](#footnote-57)... ngày…tháng…năm…

**II. Đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số … như sau:**

Lý do cấp lại:

**III. Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh.

3. Hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018./.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**13. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh lập 02 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đườngbưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

+ Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

-  Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**g) Phí, Lệ phí**: không có

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

 - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

 - Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

 - Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

 - Đáp ứng các tiêu chí:

 + Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

 + Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

 + Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

 + Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày ... tháng ... năm ... |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

 Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố …………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng … năm *…*; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[[58]](#footnote-58) .... ngày ...tháng ...năm.................

2. Vốn điều lệ (ghibằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) *(*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): .......................................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[59]](#footnote-59):……………………………………………………….

5. Mục tiêu của dự án đầu tư[[60]](#footnote-60):

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[[61]](#footnote-61):

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: …………………….. Nơi đăng ký thành lập: ……………….

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ................................... Quốc tịch: ..........................................................

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .............................................................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:**

1.Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

- ……………………………………………………………………………………..

2. Các đề xuất khác (nếu có):

- ………………………………………………………………………………………

**III. Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**14. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh lập 03 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đườngbưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

 + Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

 + Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

 - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

 - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

-  Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**g) Phí, Lệ phí**: không có

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

 - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

 - Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

 - Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

 - Đáp ứng các tiêu chí:

 + Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

 + Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

 + Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

 + Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

 - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có cơ sở bán lẻ dưới hình thức siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi để bán lẻ tại các cơ sở đó.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày ... tháng ... năm ... |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

 Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố …………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng … năm *…*; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[[62]](#footnote-62) .... ngày ...tháng ...năm.................

2. Vốn điều lệ (ghibằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) *(*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): .......................................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[63]](#footnote-63):……………………………………………………….

5. Mục tiêu của dự án đầu tư[[64]](#footnote-64):

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[[65]](#footnote-65):

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: …………………….. Nơi đăng ký thành lập: ……………….

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ................................... Quốc tịch: ..........................................................

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .............................................................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:**

1.Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

- ……………………………………………………………………………………..

2. Các đề xuất khác (nếu có):

- ………………………………………………………………………………………

**III. Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**15. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh lập 02 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đườngbưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện.

 + Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

 + Trường hợp đáp ứng điều kiện, Sở Công Thương gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

 - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương xem xét các nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

 - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh. Trường hợp Bộ Công Thương có văn bản từ chối, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

-  Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**g) Phí, Lệ phí**: không có

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

 - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

 - Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

 - Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

 - Đáp ứng các tiêu chí:

 + Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

 + Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

 + Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

 + Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

 - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện một trong các hoạt động:

 + Sản xuất dầu, mỡ bôi trơn tại Việt Nam;

 + Sản xuất hoặc được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu, mỡ bôi trơn loại đặc thù.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày ... tháng ... năm ... |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

 Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố …………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng … năm *…*; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[[66]](#footnote-66) .... ngày ...tháng ...năm.................

2. Vốn điều lệ (ghibằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) *(*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): .......................................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[67]](#footnote-67):……………………………………………………….

5. Mục tiêu của dự án đầu tư[[68]](#footnote-68):

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[[69]](#footnote-69):

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: …………………….. Nơi đăng ký thành lập: ……………….

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ................................... Quốc tịch: ..........................................................

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .............................................................................................

**II. Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa với nội dung sau:**

1.Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (Liệt kê từng hoạt động đề nghị được cấp phép theo khoản 1 Điều 3 Nghị định này):

- ……………………………………………………………………………………..

2. Các đề xuất khác (nếu có):

- ………………………………………………………………………………………

**III. Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| Các tài liệu gửi kèm:   1. …; 2. …; 3. …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**16. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép kinh doanh) lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy phép kinh doanh;

 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính có trách nhiệm xem xét việc đáp ứng điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**b)** **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

-  Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh

**g) Phí, Lệ phí**: không có

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa

a) Đáp ứng điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

c) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

a) Điều kiện quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP;

- Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh;

- Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.

b) Đáp ứng tiêu chí sau:

- Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành;

- Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động;

- Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước;

- Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN DOANH NGHIỆP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ..., ngày ... tháng ... năm ... |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

 Kính gửi:Sở Công Thương tỉnh/thành phố …………

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: …………… Fax:……… Email: …………… Website:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do.... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng … năm *…*; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[[70]](#footnote-70) .... ngày ...tháng ...năm.................

2. Vốn điều lệ (ghibằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài):

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) *(*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài): .......................................................................................

4. Ngành nghề kinh doanh[[71]](#footnote-71):……………………………………………………….

5. Mục tiêu của dự án đầu tư[[72]](#footnote-72):

6. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[[73]](#footnote-73):

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên doanh nghiệp: …………………….. Nơi đăng ký thành lập: ……………….

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần:

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ................................... Quốc tịch: ..........................................................

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .............................................................................................

**17. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương hoặc qua đường bưu điện, trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

***-***Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ của Thương nhân nước ngoài và ghi giấy biên nhận.

***-***Bước 3: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần.

***-***Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn Sở Công thương để thực hiện việc thẩm định, trên cơ sở hồ sơ nhận được và các quy định pháp luật hiện hành. Thời hạn thẩm định hồ sơ được tính từ thời điểm nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập

Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành (Bộ trưởng, Thủ  trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành) và trường hợp việc thành lập VPĐD chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Sở Công thương gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Công Thương cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Kết quả thẩm định nội dung hồ sơ của thương nhân là cơ sở để Sở Công Thương quyết định chấp thuận việc cấp Giấy phép.

***-*** Bước 5: Sở Công thương cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

***-*** Bước 6: Thương nhân nước ngoài nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***-***Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài kí;

2. Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp Giấy ĐKKD hoặc giấy tờ có giá trị tương đương có quy định thời hạn hoạt động của thương nhân nước ngoài thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm;

3. Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;

4. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

6. Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng  đại diện (địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật. Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.

7. Thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

***-***Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công thương

**f) Phí, lệ phí:** 3.000.000 đồng/giấy phép**.**

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Hồ sơ kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan công chứng trong nước hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp lãnh sự theo quy định pháp luật Việt Nam;

2. Thương nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

3. Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

4. Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

5. Nội dung hoạt động của VPĐD phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

6. Trường hợp nội dung hoạt động của VPĐD không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập VPĐD phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

**-**Nghị định số 07/2016/NĐ-CP  ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập VPĐD của Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Viêt Nam.

*Mẫu MĐ-1*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày… tháng… năm…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**  
**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp) ...............

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa) .......................................

Tên thương nhân viết tắt .........................................................................................

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: … Ngày cấp: .../…/… Cơ quan cấp: .............................................................................................

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:..........................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp) .....

Số tài Khoản:...................................... tại Ngân hàng: ............................................

Điện thoại:..................... Fax:..................... Email:...........Website: .........................

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

**Văn phòng đại diện số 1:**

Tên Văn phòng đại diện: .........................................................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:… Ngày cấp…/…/… Cơ quan cấp: ...

Mã số thuế: ..............................................................................................................

Điện thoại: ................ Fax: ....................... Email: ........ Website: (nếu có) .............

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: .........................................................

**Văn phòng đại diện số …:**

……………………......................................…….......(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

**Văn phòng đại diện số …:**

Tên Văn phòng đại diện: .......................................................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:… Ngày cấp…/…/… Cơ quan cấp: ...

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: .........................................................

Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động: ..................

**Văn phòng đại diện số …:**

……………………………………………………….(khai báo tương tự như trên)

**Đề nghị cấp (cấp lại)1 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số … 2 như sau:**

Tên Văn phòng đại diện: .........................................................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: .................................................................................

Tên viết tắt (nếu có): ................................................................................................

Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....................................................................................

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

-................................................................................................................................

-................................................................................................................................

Thời hạn của Giấy phép thành lập: ………………………………………………

Người đứng đầu Văn phòng đại diện3:

Họ và tên:.................................................... Giới tính: ............................................

Quốc tịch: .................................................................................................................

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu: .........................................

Ngày cấp .../…/…. Nơi cấp: ..............................................................................

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam): .....................................................................................................

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

3 Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

**18. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương hoặc qua đường bưu điện, trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

-  Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công thương kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp không cấp lại trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

Trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động CPĐD tại nơi chuyển đi, quá thời hạn trên, thương nhân nước ngoài phải thực hiện thủ tục như cấp mới.

***-*** Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn Sở Công thương để thực hiện việc thẩm định.

***-*** Bước 4: Thẩm định hồ sơ:

Phòng chuyên môn Sở Công thương thực hiện việc thẩm định hồ sơ theo thời hạn quy định cụ thể tại Nghị định 07/2016/NĐ-CP, trên cơ sở hồ sơ nhận được và các quy định pháp luật hiện hành. Thời hạn thẩm định hồ sơ được tính từ thời điểm Sở Công Thương nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

Kết quả thẩm định nội dung hồ sơ của thương nhân là cơ sở để Sở Công thương quyết định chấp thuận việc cấp Giấy phép.

***-*** Bước 5: Sở Công Thương cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

***-*** Bước 6: Thương nhân nước ngoài nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến. (nếu đủ điều kiện áp dụng)

**c)Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1. Trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; Thông báo về việc chấm dứt hoạt động VPĐD gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo mẫu của Bộ Công Thương quy định tại Nghị định 07/2016/NĐ-CP; Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp; Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở VPĐD (Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Nghị định 07/2016/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan).

2. Giấy phép thành lập VPĐD bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công thương

**f) Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1, mẫu MĐ-2 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thương nhân nước ngoài làm thủ tục cấp lại Giấy phép văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:

1. Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác.

2.Giấy phép thành lập VPĐD bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập VPĐD của Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Viêt Nam.

*Mẫu MĐ-1*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày… tháng… năm…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)........................

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa) .................................................

Tên thương nhân viết tắt....................................................................................................

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: … Ngày cấp: .../…/… Cơ quan cấp: .....................................................................................................................

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:...................................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)..............

Số tài khoản:...................................... tại Ngân hàng:........................................................

Điện thoại:..................... Fax:..................... Email:...........Website:..................................

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

**Văn phòng đại diện số 1:**

Tên Văn phòng đại diện:.........................................................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:… Ngày cấp…/…/… Cơ quan cấp:

Mã số thuế:.............................................................................................................

Điện thoại: ................ Fax: ....................... Email: ........ Website: (nếu có) ..........

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:........................................................

**Văn phòng đại diện số …:**

…………………………………………….......(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

**Văn phòng đại diện số …:**

Tên Văn phòng đại diện:........................................................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:… Ngày cấp…/…/… Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:........................................................

Thời điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động: ................

**Văn phòng đại diện số …:** ………………………….(khai báo tương tự như trên)

**Đề nghị cấp (cấp lại)[[74]](#footnote-74) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số … [[75]](#footnote-75) như sau:**

Tên Văn phòng đại diện: ...................................................................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:...........................................................................................

Tên viết tắt (nếu có): ..........................................................................................................

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)..............................................................................................

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

Thời hạn của Giấy phép thành lập: ……………………………………………

Người đứng đầu Văn phòng đại diện[[76]](#footnote-76):

Họ và tên:.................................................... Giới tính:...........................................

Quốc tịch:...............................................................................................................

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:........................................

Ngày cấp .../…/…. Nơi cấp:.................................................................................   
Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):....................................................................................................

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

*Mẫu MĐ-2*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày… tháng … năm…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: ..…… (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)........................

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa) .................................................

Tên thương nhân viết tắt....................................................................................................

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: … Ngày cấp: .../…/… Cơ quan cấp:......................................................................................................................

Điện thoại:..................... Fax:..................... Email:...........Website: (nếu có).....................

**Đề nghị cấp lại[[77]](#footnote-77) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:**

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập) .................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: … Ngày cấp: …/…/...................................

[[78]](#footnote-78)Thứ tự của Văn phòng đại diện:.....................................................................................

Điện thoại:..................... Fax:..................... Email:...........Website: (nếu có)....................

Mã số thuế:.........................................................................................................................

Lý do cấp lại:.....................................................................................................................

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

**19.** **Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương hoặc qua đường bưu điện, trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

***-*** Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công thương thông báo để thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

***-*** Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn Sở Công thương để thực hiện việc thẩm định.

***-*** Bước 4: Thẩm định hồ sơ:

Phòng chuyên môn Sở Công thương thực hiện việc thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập VPĐD. Trường hợp không điều chỉnh phải có văn bản nên rõ lý do.

Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành (Bộ trưởng, Thủ  trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành) và trường hợp việc thành lập VPĐD chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Sở Công thương gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Công Thương cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Kết quả thẩm định nội dung hồ sơ của thương nhân là cơ sở để Sở Công thương quyết định chấp thuận việc cấp Giấy phép.

***-*** Bước 5: Sở Công thương cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

***-*** Bước 6: Thương nhân nước ngoài nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

2. Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:

- Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

- Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của VPĐD; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của VPĐD; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của VPĐD đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.

- Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý; Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở VPĐD; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở VPĐD.

3. Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

-  Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công thương

**f) Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị điều chỉnh cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-3 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

-  Hồ sơ kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan công chứng trong nước hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngòai chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp lãnh sự theo quy định pháp luật Việt Nam.

- Thay đổi tên gọi VPĐD hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.

- Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện.

- Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện.

- Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

- Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT, ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định biểu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01ăm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập VPĐD của Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Viêt Nam.

*Mẫu MĐ-3*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày… tháng …năm…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: ..…… (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)........................

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)..................................................

Tên thương nhân viết tắt:...................................................................................................

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: … Ngày cấp: .../…/… Cơ quancấp:......................................................................................................................

Điện thoại:.............. Fax:................. Email:.................Website: (nếu có).........................

**Đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:**

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)..................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ……. Ngày cấp …/…/...............................

[[79]](#footnote-79)Thứ tự của Văn phòng đại diện:.....................................................................................

Điện thoại:.............. Fax:................. Email:.................Website: (nếu có).........................

Mã số thuế:........................................................................................................................

Nội dung điều chỉnh:.........................................................................................................

Lý do điều chỉnh:

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

**20. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương hoặc qua đường bưu điện, trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

***-***Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công thương thông báo để thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

***-*** Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn Sở Công thương để thực hiện việc thẩm định.

***-*** Bước 4: Thẩm định hồ sơ:

Phòng chuyên môn Sở Công thương thực hiện việc thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gia hạn Giấy phép thành lập VPĐD. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp việc gia hạn Giấy phép thành lập VPĐD chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Sở Công thương gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Công Thương gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Kết quả thẩm định nội dung hồ sơ của thương nhân là cơ sở để Sở Công thương quyết định chấp thuận việc gia hạn Giấy phép thành lập VPĐD.

***-*** Bước 5: Sở Công thương gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

***-***Bước 6: Thương nhân nước ngoài nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;

2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

3. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất (tài liệu khác có giá trị tương đương, bao gồm: văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản  khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất).

4. Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài.

e) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Sở Công Thương.

**f) Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấyphép

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-4 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Hồ sơ kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan công chứng trong nước hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp lãnh sự theo quy định pháp luật Việt Nam.

Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập VPĐD khi hết thời hạn quy định trong Giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi sau:

1. Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Sở Công Thương.

2. Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện trong 02 năm liên tiếp.

3. Không gửi báo cáo theo quy định (VPĐD có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) tới Sở Công Thương trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản.

4. Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

**d) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

-  Nghị định số 07/2016/NĐ-CP  ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập VPĐD của Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Viêt Nam.

*Mẫu MĐ-4*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày… tháng …năm…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: ..…… (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).........................

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)..................................................

Tên thương nhân viết tắt....................................................................................................

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: … Ngày cấp: .../…/… Cơ quancấp:......................................................................................................................

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:.........................................

Điện thoại:.............. Fax:................. Email:.................Website: (nếu có)..........................

**Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:**

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)..................................................

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: … Ngày cấp: …/…/...................................

[[80]](#footnote-80)Thứ tự của Văn phòng đại diện:.....................................................................................

Mã số thuế:........................................................................................................................

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời điểm gia hạn:… người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài:… người;

- Số lao động Việt Nam: … người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:................................................................

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

**21. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của cơ quan cấp Giấy phép**

**a) Trình tự thực hiện:**

-  Bước 1: Thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động VPĐD trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương hoặc qua đường bưu điện, trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

-  Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công thương tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để thương nhân nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần.

-   Bước 3: Sở Công thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện (trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương;

- Qua đường bưu điện;

- Qua dịch vụ công trực tuyến.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp  giấy phép bị thu hồi;

2. Bản sao văn bản của Sở Công Thương không ra hạn Giấy phép thành lập VPĐD (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Sở Công Thương (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP);

3. Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;

4. Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;

5. Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công thương.

**f) Phí, lệ phí:**Không có

g**) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thông báo chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện (MẫuTB Thông tư 11/2016/TT-BCT).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài.

2. Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

3. Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn.

4. Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn.

5. Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp: không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép; Không báo cáo về hoạt động của VPĐD trong 02 năm liên tiếp; Không gửi báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của VPĐD theo yêu cầu tới Sở Công Thương trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản hoặc trường hợp khác theo quy định pháp luật.

6. Thương nhân nước ngoài, VPĐD không còn đáp ứng một trong những điều kiện sau:

-  Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;

-  Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;

-  Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

-  Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

-  Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

-  Nghị định số 07/2016/NĐ-CP  ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

*Mẫu TB*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày… tháng… năm…*

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG**

**CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN…/CHI NHÁNH … TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: … (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh)

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số…………..Ngày cấp: ... /…/

Địa chỉ trụ sở Văn phòngđại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:.............. Fax:................. Email:.................Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm

[[81]](#footnote-81)Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện…/Chi nhánh…:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:

3. Các khoản khác:

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

**Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện…/Chi nhánh tại Việt Nam:**

Từ ngày…tháng…năm…

Lý do chấm dứt hoạt động:

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.*/.*

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)*

1. Ghi lần đăng ký thay đổi gần nhất. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-3)
4. Giấy phép kinh doanh cấp lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-4)
5. Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình cơ sở bán lẻ, mặt hàng đang kinh doanh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung quy định tại phần II theo tỉnh, thành phố. Mỗi tỉnh/thành phố lập 01 phụ lục kèm theo 01 Đơn đề nghị. [↑](#footnote-ref-6)
7. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-7)
8. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-8)
9. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành. [↑](#footnote-ref-9)
10. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành nêu ý kiến đối với nội dung theo đề nghị tại văn bản của Sở Công Thương. [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-11)
12. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị gia hạn. [↑](#footnote-ref-12)
13. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị gia hạn. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-14)
15. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-15)
16. Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-16)
17. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-17)
18. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-18)
19. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành. [↑](#footnote-ref-19)
20. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành nêu ý kiến đối với nội dung theo đề nghị tại văn bản của Sở Công Thương. [↑](#footnote-ref-20)
21. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-21)
22. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-22)
23. Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-23)
24. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-24)
25. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-25)
26. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành. [↑](#footnote-ref-26)
27. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành nêu ý kiến đối với nội dung theo đề nghị tại văn bản của Sở Công Thương. [↑](#footnote-ref-27)
28. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-28)
29. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-29)
30. Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-30)
31. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-31)
32. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-32)
33. Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-33)
34. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-34)
35. Lập phụ lục theo tỉnh/ thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ. [↑](#footnote-ref-35)
36. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-36)
37. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-37)
38. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành. [↑](#footnote-ref-38)
39. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành nêu ý kiến đối với nội dung theo đề nghị tại văn bản của Sở Công Thương. [↑](#footnote-ref-39)
40. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-40)
41. Lập phụ lục theo tỉnh/ thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ. [↑](#footnote-ref-41)
42. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-42)
43. Bộ quản lý ngành (trong trường hợp có quy định) [↑](#footnote-ref-43)
44. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành. [↑](#footnote-ref-44)
45. Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành nêu ý kiến đối với nội dung theo đề nghị tại văn bản của Sở Công Thương. [↑](#footnote-ref-45)
46. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-46)
47. Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-47)
48. Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-48)
49. Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-49)
50. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-50)
51. Lập phụ lục theo tỉnh/ thành phố nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ. [↑](#footnote-ref-51)
52. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-52)
53. Chỉ ghi trong trường hợp nội dung đề nghị điều chỉnh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh thay đổi. Ghi theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-53)
54. Chỉ ghi trong trường hợp nội dung đề nghị điều chỉnh có liên quan dự án đầu tư này. [↑](#footnote-ref-54)
55. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-55)
56. Chỉ ghi thông tin liên quan đến thông tin đề nghị điều chỉnh. [↑](#footnote-ref-56)
57. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-57)
58. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-58)
59. Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-59)
60. Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-60)
61. Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-61)
62. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-62)
63. Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-63)
64. Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-64)
65. Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-65)
66. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-66)
67. Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-67)
68. Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-68)
69. Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-69)
70. Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất. [↑](#footnote-ref-70)
71. Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-71)
72. Ghi mục tiêu của từng dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhiều dự án thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-72)
73. Trường hợp có nhiều thành viên thì lập phụ lục. [↑](#footnote-ref-73)
74. Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP). [↑](#footnote-ref-74)
75. Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó. [↑](#footnote-ref-75)
76. Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân. [↑](#footnote-ref-76)
77. Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-77)
78. Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập. [↑](#footnote-ref-78)
79. Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập. [↑](#footnote-ref-79)
80. Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập. [↑](#footnote-ref-80)
81. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, không phải kê khai nội dung này. [↑](#footnote-ref-81)